

**DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>16,693,984,901</b>	<b>18,190,361,155</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7,042,790,367</b>	<b>10,659,938,568</b>
1. Tiền	111	5	1,042,790,367	1,624,938,568
2. Các khoản tương đương tiền	112		6,000,000,000	9,035,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7,357,767,794</b>	<b>5,010,139,840</b>
1. Phải thu khách hàng	131	24	7,210,137,934	4,747,905,163
2. Trả trước cho người bán	132	6	144,095,500	201,585,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	6	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	6	3,534,360	60,649,677
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2,279,180,234</b>	<b>2,515,496,747</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	2,279,180,234	2,515,496,747
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14,246,506</b>	<b>4,786,000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	460,506	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	13,786,000	4,786,000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9,080,550,022</b>	<b>9,292,370,518</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4,319,104,717</b>	<b>4,530,925,213</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>9</b>	<b>3,255,155,036</b>	<b>3,471,520,986</b>
- Nguyên giá	222	9	22,920,794,969	22,888,976,787
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	9	(19,665,639,933)	(19,417,455,801)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1,063,949,681	1,059,404,227
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4,761,445,305</b>	<b>4,761,445,305</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4,761,445,305	4,761,445,305
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>25,774,534,923</b>	<b>27,482,731,673</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				

<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10,302,672,689</b>	<b>12,302,290,410</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10,246,819,914</b>	<b>12,249,288,510</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		7,706,829,452	10,675,652,949
3. Người mua trả tiền trước	313		-	6,200,000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	12	411,262,830	240,728,498
5. Phải trả người lao động	315		1,113,088,276	258,684,574
6. Chi phí phải trả	316		136,370,528	200,544,710
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	925,058,987	865,667,938
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(45,790,159)	1,809,841
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>4</b>	<b>55,852,775</b>	<b>53,001,900</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	4	55,852,775	53,001,900
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>15,471,862,234</b>	<b>15,180,441,263</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>15,471,862,234</b>	<b>15,180,441,263</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	14	12,869,840,000	12,869,840,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	14	1,462,373,784	1,462,373,784
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	14	76,950,378	76,950,378
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	14	1,062,698,072	771,277,101
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>25,774,534,923</b>	<b>27,482,731,673</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>			<b>-</b>	<b>-</b>
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký ược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo

Dương Quốc Thy

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TP.HCM

ĐC: 240 TRẦN BÌNH TRỌNG, P4, Q 5, TP.HCM

Tel: 08 38302225 - 08 38355329

Fax: 08 38353171- 08 38302225

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH 2012**

Mẫu số : Q- 02d

**DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	TM	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1 /2012	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	4,687,428,570	11,867,222,317	4,687,428,570	11,867,222,317
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>15</b>	<b>4,687,428,570</b>	<b>11,867,222,317</b>	<b>4,687,428,570</b>	<b>11,867,222,317</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	16	3,697,378,384	10,851,254,851	3,697,378,384	10,851,254,851
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>990,050,186</b>	<b>1,015,967,466</b>	<b>990,050,186</b>	<b>1,015,967,466</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	216,901,761	5,197,601	216,901,761	5,197,601
7. Chi phí tài chính	22		-	-	0	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24		66,240,048	43,676,560	66,240,048	43,676,560
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		792,524,250	640,895,607	792,524,250	640,895,607
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))</b>	<b>30</b>		<b>348,187,649</b>	<b>336,592,900</b>	<b>348,187,649</b>	<b>336,592,900</b>
11. Thu nhập khác	31	19	10,909,091		10,909,091	
12. Chi phí khác	32	20				
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>10,909,091</b>	<b>-</b>	<b>10,909,091</b>	<b>-</b>
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	0	0
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>21</b>	<b>359,096,740</b>	<b>336,592,900</b>	<b>359,096,740</b>	<b>336,592,900</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	67,675,769	84,505,725	67,675,769	84,505,725
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	0	0
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)</b>	<b>60</b>	<b>21</b>	<b>291,420,971</b>	<b>252,087,175</b>	<b>291,420,971</b>	<b>252,087,175</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-	0	0
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		-	-	0	0
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	22	226	196	226	196

Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo

Dương Quốc Thy

**DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT - QUÝ**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I (2012)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I (2011)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2,704,091,663	8,145,650,819
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3,990,981,129)	(5,135,781,938)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,837,421,383)	(1,649,561,327)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(13,440,268)	(7,634,921)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3,108,110,637	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(756,278,836)	(890,060,457)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(785,919,316)</b>	<b>462,612,176</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3,000,000,000)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		167,710,477	5,197,601
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2,832,289,523)</b>	<b>5,197,601</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32			0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>			<b>0</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(3,618,208,839)</b>	<b>467,809,777</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		<b>10,659,938,568</b>	<b>141,524,337</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>7,041,729,729</b>	<b>609,334,114</b>

Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo

Dương Quốc Thy

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004 và thay đổi lần thứ nhất vào ngày 10 tháng 07 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 27/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 41/TTGDHN – ĐKGD ngày 27/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**Vốn điều lệ:** 26.100.000.000 đồng.

**Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/03/2012 là:** 12.869.840.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn Nhà nước (Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam) là 31%.

#### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 240 Trần Bình Trọng, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.38353171
- Fax: (84) 08.38352027

#### Ngành nghề kinh doanh chính

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản

Thời gian khấu hao năm

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc thiết bị	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	2 - 6

### **4.6 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.8 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động cho khoảng thời gian làm việc tại Công ty trước ngày 30/09/2011. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương đóng BHXH và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

### **4.9 Quỹ Tiền lương**

Quỹ lương được xác định trên cơ sở đơn giá tiền lương đã thông qua Đại hội đồng cổ đông duyệt: 3,5 đến 4 đồng tiền lương/1 đồng lợi nhuận. Tổng quỹ lương tối thiểu 5 tỷ.

### **4.10 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2012

### **4.11 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Hoạt động in sách Giáo khoa, in các tài liệu khác và bán giấy phê liệu áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## 5. Tiền

	<u>31/03/2012(VNĐ)</u>	<u>31/12/2011(VNĐ)</u>
Tiền mặt	57.702.613	132.353.607
Tiền gửi ngân hàng	985.087.754	1.492.584.961
<b>Cộng</b>	<b><u>1.042.790.367</u></b>	<b><u>1.624.38.568</u></b>
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	6.000.000.000	9.035.000.000

## 6. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>31/03/2012(VNĐ)</u>	<u>31/12/2011(VNĐ)</u>
Phải thu khác	3.534.360	60.649.677
- Phải thu khác	3.534.360	60.649.677



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<b>Cộng</b>	<b><u>3.534.360</u></b>	<b><u>60.649.677</u></b>
<b>7. Hàng tồn kho</b>	<b><u>31/03/2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>31/12/2011 (VNĐ)</u></b>
Nguyên liệu, vật liệu	362.655.402	438.879.290
Thành phẩm tồn kho		137.709.027
Chi phí SX-KD dở dang	1.916.524.832	1.938.908.430
- Chi phí dở dang của hoạt động SX-KD	81.500.137	103.883.735
- Chi phí dở dang của hoạt động LD	1.835.024.695	1.835.024.695
<b>Cộng</b>	<b><u>2.279.180.234</u></b>	<b><u>2.515.496.747</u></b>

### 8. Tài sản cố định hữu hình

ĐVT:VNĐ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc Thiết bị	P. tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, d.cụ Qly	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số đầu kỳ</b>	<b>1.842.146.821</b>	<b>20.903.552.635</b>	<b>13.600.000</b>	<b>129.677.331</b>	<b>22.888.976.787</b>
Mua sắm trong kỳ		31.818.182			31.818.182
Giảm trong kỳ					
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.842.146.821</b>	<b>20.935.370.817</b>	<b>13.600.000</b>	<b>129.677.331</b>	<b>22.920.794.969</b>
<b>Khấu hao</b>					
<b>Số đầu kỳ</b>	<b>1.309.866.982</b>	<b>17.974.776.634</b>	<b>13.600.000</b>	<b>119.212.185</b>	<b>19.417.455.801</b>
Khấu hao trong kỳ	10.941.531	235.929.060		1.313.541	248.184.132
Gảm trong kỳ					
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.320.808.513</b>	<b>18.210.705.694</b>	<b>13.600.000</b>	<b>120.525.726</b>	<b>19.665.639.933</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Số đầu kỳ</b>	<b>532.279.839</b>	<b>2.928.776.001</b>		<b>10.465.146</b>	<b>3.471.520.986</b>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>521.338.308</b>	<b>2.724.665.123</b>		<b>9.151.605</b>	<b>3.255.155.036</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối quý 1 năm 2012 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.392.650.076 đồng
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 0 đồng.

<b>9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b><u>31/03/2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>31/12/2011(VNĐ)</u></b>
Nhà máy in sách giáo khoa tại KCN Cát Lái, Quận 2 Tp.HCM	1.063.949.681	1.059.404.227
<b>10. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b><u>31/03/2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>31/12/2011(VNĐ)</u></b>
Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Cát Lái Quận 2 Tp.HCM	4.761.445.305	4.761.445.305
<b>11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b><u>31/03/2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>31/12/2011(VNĐ)</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thuế giá trị gia tăng	154.041.332	38.740.576
Thuế thu nhập doanh nghiệp	255.811.498	201.575.997
Thuế thu nhập cá nhân	1.410.000	411.925
<b>Cộng</b>	<b><u>411.262.830</u></b>	<b><u>240.728.498</u></b>
<b>12. Chi phí phải trả</b>	<b><u>31/03/2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>31/12/2011(VNĐ)</u></b>
Nhập giấy mượn của khách hàng in gia công	136.370.528	200.544.710
<b>13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b><u>31/03/2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>31/12/2011(VNĐ)</u></b>
Kinh phí công đoàn	80.377.586	25.597.075
Phải nộp BHXH, Y tế	14.563.924	
9.953.386		
Phải nộp BHTN		
Phải trả người lao động	1.113.088.276	258.684.574
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp.HCM	830.117.477	830.117.477
<b>Cộng</b>	<b><u>1.755.176.464</u></b>	<b><u>1.124.352.512</u></b>
<b>14. Vốn chủ sở hữu</b>		
<b>a. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu</b>	<b><u>31/03/2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>31/12/2011 (VNĐ)</u></b>
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	3.989.700.000	3.989.700.000
Vốn góp của Cổ đông khác	8.880.140.000	8.880.140.000
<b>Cộng</b>	<b><u>12.869.840.000</u></b>	<b><u>12.869.840.000</u></b>
<b>b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b><u>31/03/2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>31/12/2011 (VNĐ)</u></b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.869.840.000	12.869.840.000
Quỹ đầu tư phát triển	1.462.373.784	1.462.373.784
Quỹ dự phòng tài chính	76.950.378	76.950.378
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.062.698.072	771.277.101
<b>Cộng</b>	<b><u>15.471.862.234</u></b>	<b><u>15.180.441.263</u></b>
<b>c. Cổ phiếu</b>	<b><u>31/03/2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>31/12/2011 (VNĐ)</u></b>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu thường	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Mệnh giá cổ phiếu : 10.000VNĐ		
<b>d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b><u>31/03/2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>31/12/2011 (VNĐ)</u></b>
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	771.277.101	578.610.697
Lợi nhuận sau thuế TNDN	291.420.971	830.076.904
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế		637.410.500

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Phân phối lợi nhuận năm trước		569.410.500
* <i>Tạm ứng cổ tức trong năm</i>		386.095.200
* <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>		122.210.200
* <i>Quỹ khen thưởng ban điều hành</i>		61.105.100
Phân phối lợi nhuận năm nay		
* <i>Tạm trích quỹ KTPL</i>		68.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b><u>1.062.698.072</u></b>	<b><u>771.277.101</u></b>
<b>15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>Quý 1/ 2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>Quý 1/2011 (VNĐ)</u></b>
Doanh thu In ấn	4.687.428.570	11.867.222.317
<b>16. Giá vốn hàng bán</b>	<b><u>Quý 1/ 2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>Quý 1/2011 (VNĐ)</u></b>
Giá vốn In ấn	3.697.378.384	10.851.254.851
<b>17. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b><u>Quý 1/ 2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>Quý 1/2011 (VNĐ)</u></b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	216.901.761	5.197.601
<b>18. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b><u>Quý 1/ 2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>Quý 1/2011 (VNĐ)</u></b>
Lãi tiền vay	0	0
<b>19. Thu nhập khác</b>	<b><u>Quý 1/ 2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>Quý 1/2011 (VNĐ)</u></b>
Thu bán thanh lý dụng cụ lao động	10.909.091	
<b>20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ</b>	<b><u>Quý 1/ 2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>Quý 1/2011 (VNĐ)</u></b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	359.096.740	336.592.900
- <i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	142.194.979	331.395.299
- <i>Hoạt động khác</i>	216.901.761	5.197.601
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	27.621.940	1.430.000
<i>Điều chỉnh tăng ( chi phí không hợp lệ)</i>	27.621.940	1.430.000
+ <i>Phụ cấp HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	16.625.000	
+ <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	10.996.940	1.430.000
Điều chỉnh giảm		
Tổng thu nhập chịu thuế	386.718.680	338.022.900
- <i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	142.194.979	332.825.299
- <i>Hoạt động khác</i>	216.901.761	5.197.601
Thuế TNDN	96.679.670	84.505.725
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	29.003.901	
- <i>Ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	67.675.769	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** **291.420.971** **252.087.175**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>Quý 1/ 2012(VNĐ)</u></b>	<b><u>Quý 1/2011 (VNĐ)</u></b>
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	291.420.971	252.087.175
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
+ Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	291.420.971	252.087.175
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.286.984	1.286.984
<b>Lãi cơ bản trên một cổ phiếu</b>	<b>226</b>	<b>196</b>

### 22. Cổ tức

Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2011 là 5%/vốn điều lệ. Theo đó Công ty sẽ trả cổ tức vào ngày 09/04/2012 tương ứng số tiền 643.492.000đồng.

### 23. Các bên liên quan

a. Trong năm, Công ty có những giao dịch với các bên liên quan như sau:

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị (VNĐ)</b>
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP.HCM	Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	4.253.228.614
Cty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	686.752.580
Cty CP Sách Giáo dục tại TP.HCM	Chung Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	3.263.700
Cty CP Sách và Thiết bị GD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	6.691.190
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản GD HN	Chung Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	100.000.000
<b>Cộng</b>			<b><u>5.049.936.084</u></b>

b. Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Khoản phải thu</b>
			<b>VNĐ</b>
Nhà Xuất bản GD tại TP.HCM	Công ty đầu tư	Phải thu tiền bán hàng	6.446.495.750
Cty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Chung Cty đầu tư	Phải thu tiền bán hàng	615.105.523
Cty CP Sách Giáo dục tại TP.HCM	Chung Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	3.263.700
Cty CP Sách và Thiết bị GD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	6.691.190
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản GD HN	Chung Cty đầu tư	Phải thu tiền bán hàng	104.780.000
<b>Cộng</b>			<b><u>7.176.336.163</u></b>

### 24. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### 25. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi AAC.

*Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2012*

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

**Dương Quốc Thy**

**Nguyễn Thị Thảo**

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA  
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 01 / CV – SAP

Tp.HCM, ngày 05 tháng 04 năm 2012

V/v Giải trình kết quả kinh doanh quý 1 năm 2012

***Kính gửi : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội***

Theo báo cáo tài chính quý 1 năm 2012 của Công ty in Sách giáo khoa Tp.HCM đã gửi lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội lợi nhuận sau thuế quý 1/2012 tăng so với lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2011. Công ty xin giải trình như sau:

Nguyên nhân tăng chủ yếu trong quý 1 năm 2012 là do doanh thu tài chính tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% nên lợi nhuận sau thuế tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2011 .

Trân trọng báo cáo.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS Công ty
- Lưu HC;

**Giám đốc**

**Dương Quốc Thy**